

# CƠ CHẾ THAM DỰ VỚI TƯ CÁCH BÊN THỨ BA TẠI TÒA ÁN CÔNG LÝ QUỐC TẾ: MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

THS MAI HẠNH TRANG

Khoa Luật, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam  
Faculty of Law, Vietnam Youth Academy  
Email: maihanhtrang90@gmail.com

## Tóm tắt

Bài viết phân tích cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba tại Tòa án Công lý quốc tế theo Điều 62 Quy chế Tòa án Công lý quốc tế năm 1945, tập trung vào quy trình nộp đơn tham dự với tư cách bên thứ ba, thủ tục xét duyệt và địa vị pháp lý của quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba. Qua nghiên cứu thực tiễn, Tòa án Công lý quốc tế áp dụng các tiêu chí nghiêm ngặt khi xem xét yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba. Từ đó, bài viết đề xuất các bài học cho Việt Nam nhằm bảo vệ lợi ích pháp lý trong tranh chấp biển Đông bao gồm: theo dõi sát sao các vụ tranh chấp để kịp thời tham dự với tư cách bên thứ ba, thỏa thuận với các bên tranh chấp nhằm tránh sự phản đối và tăng tính thuyết phục; chuẩn bị đơn yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba kỹ lưỡng với các bằng chứng và lập luận pháp lý vững chắc; xây dựng năng lực pháp lý quốc tế thông qua đào tạo đội ngũ chuyên gia, xây dựng cơ sở dữ liệu tạo nền tảng chiến lược dài hạn để bảo vệ quyền lợi trong bối cảnh tranh chấp biển đảo phức tạp.

**Từ khóa:** tham dự, bên thứ ba, Tòa án Công lý quốc tế, tranh chấp biển Đông, lợi ích pháp lý

## Abstract

The article examines the mechanism for third-party intervention at the International Court of Justice (ICJ) under Article 62 of the 1945 Statute of the Court. It looks at the process of submitting an application, the procedure for review, and the legal status of the intervening State. Based on actual cases, the ICJ applies strict standards when assessing requests for intervention. From this, the article proposes lessons for Viet Nam to protect its legal interests in the South China Sea disputes. These lessons include: closely monitoring disputes to intervene in time; making agreements with the disputing parties to avoid objections and increase persuasiveness; preparing the application carefully with strong evidence and legal arguments; developing international legal capacity by training experts and building databases as a long-term strategy to protect national rights in complex maritime and island disputes.

**Keywords:** intervention, third party, International Court of Justice, South China Sea disputes, legal interests

**DOI:** <https://doi.org/10.70236/khplvn.614>

**Ngày nhận bài:** 03/09/2025

**Ngày duyệt đăng:** 08/04/2026

## 1. Khái quát chung về cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba của Tòa án Công lý quốc tế

### 1.1. Khái niệm và nguồn gốc lịch sử của cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba

Trong pháp luật quốc tế, tham dự với tư cách bên thứ ba là cơ chế tổ tụng cho phép một quốc gia không phải bên tranh chấp tham gia vào vụ việc tại Tòa án Công lý quốc tế (International Court of Justice, ICJ) để bảo vệ lợi ích pháp lý bị ảnh hưởng bởi phán quyết của Tòa. Khái niệm này không chỉ giới hạn ở lợi ích pháp lý mà còn nhấn mạnh sự bảo vệ, giúp quốc gia có liên quan trình bày quan điểm mà không làm thay đổi bản chất của vụ kiện. Trong pháp luật quốc tế, cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba cho phép một quốc gia không phải bên tranh chấp tham gia vào vụ kiện đang diễn ra nhằm bảo vệ lợi ích pháp lý của mình. Cơ chế này bắt nguồn từ phán quyết trọng tài năm 1875 giữa Peru và Chile. Đến năm 1920, Quy chế Tòa án Thường trực công lý quốc tế (Permanent Court of International Justice, PCIJ) đã hệ thống hóa cơ chế này và sau đó được kế thừa bởi Quy chế ICJ năm 1945. Điều 62 Quy chế ICJ cho phép quốc gia thứ ba có thể yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ

ba nếu quốc gia đó thấy rằng phán quyết của Tòa có thể ảnh hưởng đến lợi ích pháp lý của mình, trong khi Điều 63 quy định về tham dự với tư cách bên thứ ba liên quan đến giải thích điều ước quốc tế mà quốc gia đó là thành viên.

Do phạm vi nghiên cứu liên quan đến tranh chấp trên biển Đông - một tranh chấp có tính phức tạp, nơi nhiều quốc gia có lợi ích đan xen, trong bài viết này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu vào trường hợp tham dự với tư cách bên thứ ba dựa theo Điều 62 Quy chế ICJ. Cơ chế này phản ánh sự cân bằng giữa sự đồng thuận của các bên trong tranh chấp và nhu cầu bảo vệ lợi ích đa phương, đặc biệt trong các tranh chấp lãnh thổ. Trong toàn bộ lịch sử của cả PCIJ và ICJ, đã có 15 yêu cầu tham gia theo Điều 62 trong khuôn khổ 11 vụ việc.<sup>1</sup> Điều này là minh chứng rõ ràng cho tính thực tiễn và linh hoạt của cơ chế này nhưng đồng thời cũng lộ rõ những thách thức như yêu cầu chứng minh lợi ích pháp lý cụ thể. Trong bối cảnh hiện nay, tham dự với tư cách bên thứ ba không chỉ bảo vệ chủ quyền quốc gia mà còn góp phần vào sự ổn định khu vực, đặc biệt ở các điểm nóng như biển Đông nơi có nhiều quốc gia có lợi ích chông chéo.

### 1.2. Đặc điểm của cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba

Cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba tại ICJ có những đặc điểm nổi bật bao gồm: tính tự nguyện và phụ thuộc vào ý chí các bên tranh chấp, lợi ích pháp lý cụ thể của quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba, tính ràng buộc các bên tranh chấp của phán quyết, tính linh hoạt về địa vị pháp lý.

*Thứ nhất*, về tính tự nguyện và phụ thuộc vào ý chí các bên, cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba tại ICJ dựa trên nguyên tắc đồng thuận, một nguyên tắc cốt lõi của pháp luật quốc tế. Quốc gia thứ ba tự nguyện nộp đơn tham dự với tư cách bên thứ ba (theo Điều 81 Bộ Quy tắc tố tụng của ICJ) và Tòa không có quyền tự động đưa quốc gia thứ ba vào vụ kiện. Đây là một yếu tố quan trọng quyết định việc quốc gia thứ ba có thể được phép tham dự với tư cách bên thứ ba vào một vụ tranh chấp đang diễn ra hay không bởi ICJ không tự động chấp nhận yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba mà quyết định dựa trên đơn yêu cầu và ý kiến của các bên tranh chấp. Nếu các bên tranh chấp phản đối, khả năng tham dự với tư cách bên thứ ba bị từ chối tăng cao. Một ví dụ là vụ *Phán định thềm lục địa giữa Libya và Malta* năm 1984, trong đó Italia bị từ chối tham dự với tư cách bên thứ ba do cả Libya và Malta phản đối.<sup>2</sup>

*Thứ hai*, quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba phải chứng minh lợi ích pháp lý cụ thể có nguy cơ bị xâm phạm. Lợi ích này không bao gồm lợi ích chính trị, kinh tế hay xã hội. Lợi ích pháp lý được định nghĩa là một thuật ngữ toàn diện dùng để mô tả bất kỳ quyền lợi, yêu sách hoặc đặc quyền nào mà một cá nhân có đối với bất động sản hoặc động sản.<sup>3</sup> Trong giải quyết tranh chấp trên biển, lợi ích pháp lý có thể được hiểu là một quyền lợi, yêu sách hoặc đặc quyền cụ thể mà một quốc gia sở hữu theo pháp luật quốc tế. Lợi ích này không phải là một lợi ích trừu tượng hay chung chung mà phải được chứng minh dựa trên các quy phạm pháp luật quốc tế, chẳng hạn chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của quốc gia theo Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 (*United Nations Convention on the Law of the Sea*,

1 Matina Papadaki, "Intervention: International Court of Justice (ICJ)", *Max Planck Encyclopedias of International Law*, 2018.

2 Phán quyết số 68 ngày 21/03/1984 về *Phán định thềm lục địa* (Libya và Malta) của Tòa án Công lý quốc tế.

3 The free dictionary by Farlex, "Interest", <https://legal-dictionary.thefreedictionary.com/interest>, truy cập ngày 05/07/2025.

UNCLOS) hoặc các quyền khác của quốc gia theo điều ước quốc tế. Vấn đề này đã được nhiều học giả thảo luận trong các công trình nghiên cứu của mình. Chẳng hạn, Karl Zemanek đưa ra quan điểm lợi ích pháp lý của quốc gia là cộng đồng chứ không phải song phương và cần có sự phân biệt giữa quốc gia bị tổn hại và quốc gia có lợi ích pháp lý để chứng minh ảnh hưởng cụ thể.<sup>4</sup> Prosper Weil lập luận rằng không phải lúc nào lợi ích này cũng đủ để can thiệp vì quốc gia cần chứng minh tác động cụ thể để tránh việc lạm dụng.<sup>5</sup> Trong bài viết của mình, Christine Annacker cũng lưu ý rằng lợi ích chung chung không đủ mà cần chứng minh ảnh hưởng cụ thể để vượt qua rào cản thủ tục.<sup>6</sup> Có thể thấy các học giả đều có chung quan điểm rằng lợi ích pháp lý mà quốc gia thứ ba đưa ra cần phải được chứng minh cụ thể trên cơ sở pháp lý rõ ràng, tránh các lợi ích trừu tượng và chung chung.

ICJ thường diễn giải lợi ích pháp lý theo hướng bảo vệ, nhằm cho phép quốc gia thứ ba thông báo cho Tòa về quyền lợi của mình để tránh bị ảnh hưởng gián tiếp chứ không phải để mở rộng tranh chấp hoặc đưa ra yêu sách mới. Các lợi ích này cần phải được quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba chứng minh là có thể bị ảnh hưởng cụ thể bởi phán quyết. Trong vụ kiện liên quan đến ranh giới lãnh thổ và biển giữa Cameroon và Nigeria, Guinea Xích đạo được phép tham gia với tư cách bên tham dự với tư cách bên thứ ba vì đã chứng minh được lợi ích pháp lý cụ thể.<sup>7</sup> So sánh với vụ tranh chấp chủ quyền đảo Pulau Ligitan và Pulau Sipadan, ICJ đã từ chối yêu cầu tham dự của Philippines vì lý do lợi ích liên quan đến Bắc Borneo mà Philippines đưa ra không đủ cụ thể.<sup>8</sup> Việc quy định chặt chẽ về nghĩa vụ chứng minh lợi ích pháp lý bị ảnh hưởng của quốc gia yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba nhằm đảm bảo cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba không bị lạm dụng.

*Thứ ba*, theo Điều 59 Quy chế ICJ, phán quyết chỉ ràng buộc các bên tranh chấp chính, trừ khi quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba tham gia với tư cách bên tranh chấp. Như vậy quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba với tư cách “bên không tranh chấp” (*non-party intervener*)<sup>9</sup> không bị ràng buộc bởi toàn bộ phán quyết, mà chỉ bị ảnh hưởng gián tiếp nếu phán quyết liên quan đến lợi ích pháp lý của họ. Điều này nhằm tránh ảnh hưởng đến chủ quyền của các quốc gia thứ ba không phải là bên tranh chấp trong vụ việc. Ngược lại, nếu tham dự với tư cách bên thứ ba với tư cách “bên tranh chấp” (*party intervener*), quốc gia đó chịu ràng buộc bởi phán quyết liên quan đến các vấn đề tham dự với tư cách bên thứ ba. Điều 59 tạo ra sự khác biệt rõ ràng giữa các bên tranh chấp chính và quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba, đồng thời bảo vệ quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba khỏi các ràng buộc pháp lý không mong muốn, nhưng cũng hạn chế khả năng họ yêu cầu Tòa công nhận quyền riêng.<sup>10</sup>

4 Karl Zemanek, “New trends in the enforcement of erga omnes obligations”, *Max Planck Yearbook of United Nations Law*, Vol. 4, 2000, tr. 51-52.

5 Prosper Weil, “Towards relative normativity in international law?”, *The American Journal of International Law*, Vol. 77(3), 1983, tr. 442.

6 Christine Annacker, “The legal regime of erga omnes obligations in international law”, *Austrian Journal of Public and International Law*, Vol. 46, 1994, tr. 166.

7 Land and Maritime Boundary between Cameroon and Nigeria (Cameroon v. Nigeria: Equatorial Guinea intervening)

8 Sovereignty over Pulau Ligitan and Pulau Sipadan (Indonesia/Malaysia).

9 Trong thuật ngữ pháp lý, “người can thiệp không phải là đương sự” là bên thứ ba không được nêu tên ban đầu trong vụ kiện nhưng được tòa án cho phép tham gia vào quá trình tố tụng. Họ được phép tham gia vì có lợi ích đáng kể liên quan đến kết quả của vụ án hoặc có thể cung cấp cho tòa án một góc nhìn đặc biệt.

10 Andreas Zimmermann (ed.), Christian J Tams (ed.), Karin Oellers-Frahm (ed.), Christian Tomuschat (ed.), *The Statute of the International Court of Justice: A commentary (3rd Edition)*, Oxford University Press 2019, tr. 1418

*Thứ tư*, cơ chế này có tính linh hoạt trong việc lựa chọn địa vị pháp lý. Điều 62 và Điều 63 của Quy chế ICJ không trực tiếp quy định quốc gia thứ ba có thể lựa chọn địa vị pháp lý là bên tranh chấp hay bên không tham gia tranh chấp. Các điều này chỉ nêu chung về quyền yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba (Điều 62) hoặc quyền tự động tham dự với tư cách bên thứ ba (Điều 63) mà không có sự phân biệt rõ giữa hai vai trò. Tuy nhiên, tính linh hoạt này được thể hiện ở Quy tắc và thực tiễn xét xử của Tòa. Cụ thể, khoản 2 Điều 81 Quy tắc của Tòa quy định nội dung đơn yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba phải bao gồm: (i) lợi ích pháp lý bị ảnh hưởng; (ii) mục tiêu chính xác của việc tham gia, và (iii) bất kỳ cơ sở thẩm quyền nào được cho là tồn tại giữa quốc gia tham gia và các bên tranh chấp chính. Nếu quốc gia lựa chọn vai trò là bên tham gia chính vào tranh chấp, chịu ràng buộc bởi phán quyết, quốc gia có nghĩa vụ chỉ rõ cơ sở thẩm quyền giữa các bên trong vụ tranh chấp, ví dụ hiệp ước với các bên trong tranh chấp. Quy định này mở rộng vai trò của bên thứ ba, cho phép bên thứ ba yêu cầu tham dự có thể tham gia đầy đủ vào tranh chấp và chịu ràng buộc từ phán quyết.<sup>11</sup> Ngược lại, nếu quốc gia thứ ba lựa chọn cách không nêu cơ sở thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 82 Quy tắc của ICJ, quốc gia sẽ lựa chọn vai trò là bên không tham gia chính trong tranh chấp. Với vai trò này, quốc gia không bị ràng buộc trực tiếp mà chỉ bị ảnh hưởng gián tiếp đến lợi ích.<sup>12</sup>

Trong vụ tranh chấp lãnh thổ và hàng hải giữa *Nicaragua và Colombia*, Honduras được phép tham dự với tư cách bên tranh chấp,<sup>13</sup> cho thấy cơ chế tham dự có thể mở rộng vai trò của quốc gia thứ ba nếu đáp ứng các điều kiện pháp lý nghiêm ngặt. Trong trường hợp là bên không tranh chấp, quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba có quyền trình bày quan điểm mà không chịu ràng buộc bởi phán quyết của Tòa. Còn nếu quốc gia lựa chọn là bên tranh chấp, quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba phải tham gia đầy đủ vào vụ kiện và chịu ràng buộc bởi phán quyết. Tính linh hoạt này giúp cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba phù hợp với những tranh chấp phức tạp nhưng cũng đặt ra thách thức trong việc xác định vai trò và trách nhiệm của quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba.

## **2. Thủ tục tham dự với tư cách bên thứ ba và thực tiễn giải quyết yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba của quốc gia thứ ba tại ICJ**

Quy trình tham dự với tư cách bên thứ ba tại ICJ được quy định chi tiết từ Điều 81 đến Điều 86 Bộ Quy tắc tố tụng ICJ, nhằm đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong việc xem xét yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba của quốc gia thứ ba theo Điều 62. Trình tự này bao gồm các bước chính: nộp đơn yêu cầu, xem xét đơn, phản hồi từ các bên tranh chấp, và tham gia tố tụng nếu được chấp thuận.

### *(i) Nộp đơn yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba*

Quốc gia muốn tham dự với tư cách bên thứ ba phải nộp đơn theo khoản 2 Điều 81 Bộ Quy tắc Tố tụng của ICJ. Trong đơn, quốc gia có yêu cầu tham dự với

11 George Barrie, "Third-party state intervention in disputes before the International Court of Justice: A reassessment of Articles 62 and 63 of the ICJ Statute", *Third-party state intervention in disputes before the International Court of Justice: A reassessment of Articles 62 and 63 of the ICJ Statute, Comparative and International Law Journal of Southern Africa*, Vol. 53(1), 2020, tr. 12.

12 Sean Aughey & Amy Sander, "Intervention before the ICJ: A practical guide", *Essex court chamber*, 2022, <https://essexcourt.com/publication/intervention-before-the-icj-a-practical-guide/>, truy cập ngày 14/08/2025.

13 International Court of Justice, "Territorial and maritime dispute (*Nicaragua v. Colombia*) Overview of the case".

tư cách bên thứ ba phải nêu rõ lợi ích pháp lý có thể bị ảnh hưởng bởi phán quyết, mục tiêu tham dự với tư cách bên thứ ba và cơ sở pháp lý liên kết với vụ việc, chẳng hạn các quyền chủ quyền, quyền tài phán trên biển theo Công ước về Luật biển năm 1982. Đơn phải được ký bởi đại diện được ủy quyền, thường là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hoặc người giữ chức Đại sứ tại cơ quan đại diện ngoại giao của nước yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba tại Hà Lan. Thời hạn nộp đơn là trước khi kết thúc thủ tục viết, trừ trường hợp đặc biệt được Tòa chấp thuận.

(ii) *Xem xét đơn, phản hồi từ các bên tranh chấp*

Sau khi đã nhận được đơn của bên yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba, Tòa án sẽ thông báo đơn cho các bên tranh chấp, yêu cầu các bên gửi ý kiến phản hồi trong thời gian quy định.<sup>14</sup> Sau đó, Tòa tiến hành đánh giá tính hợp lệ của lợi ích pháp lý, ý kiến của các bên và sự phù hợp của yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba. Việc phân tích thực tiễn áp dụng cơ chế này tại ICJ thông qua các vụ việc tiêu biểu sẽ làm sáng tỏ cách thức Tòa đánh giá yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba và những bài học rút ra, đặc biệt trong bối cảnh tranh chấp phức tạp như tranh chấp trên biển Đông. Trong số 15 yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba được đệ trình, Tòa chỉ chấp thuận ba trường hợp.<sup>15</sup> Trong vụ tranh chấp lãnh thổ, đảo và biên giới hàng hải giữa El Salvador và Honduras năm 1990, Nicaragua chứng minh lợi ích pháp lý liên quan đến ranh giới đất liền và vùng biển, được các bên đồng ý, dẫn đến việc chấp thuận tham dự với tư cách bên thứ ba.<sup>16</sup> Tương tự, trong vụ Phân định ranh giới hàng hải và lãnh thổ giữa Cameroon và Nigeria năm 1999, Guinea Xích đạo được phép tham dự với tư cách bên thứ ba để bảo vệ quyền lợi hàng hải trong khu vực tranh chấp, không vấp phải phản đối.<sup>17</sup> Trong vụ Miễn trừ tài phán quốc gia giữa Đức và Ý năm 2011, Hy Lạp được chấp thuận yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba để bảo vệ lợi ích pháp lý liên quan đến miễn trừ tài phán.<sup>18</sup>

Các yêu cầu bị từ chối thường vì thiếu lợi ích pháp lý cụ thể, sự phản đối từ các bên tranh chấp hoặc lợi ích mang tính chính trị hơn là pháp lý. Chẳng hạn, trong vụ Chủ quyền đối với Pulau Ligitan và Pulau Sipadan giữa Indonesia và Malaysia, Philippines bị từ chối vì yêu cầu liên quan đến Bắc Borneo không trực tiếp liên quan đến tranh chấp. Cụ thể, đơn xin phép can thiệp của Philippines đã gặp phải sự phản đối từ Indonesia và Malaysia. Trong số các lý do phản đối, Indonesia cho rằng đơn này nên bị bác bỏ vì được nộp không đúng thời hạn và Philippines chưa chứng minh được họ có lợi ích về mặt pháp lý liên quan trực tiếp đến vấn đề trong vụ án. Trong khi đó, Malaysia bổ sung rằng mục đích của đơn xin phép can thiệp là không đầy đủ. Do đó, Tòa quyết định mở các phiên điều trần công khai để nghe ý kiến của Philippines, Indonesia và Malaysia trước khi ra phán quyết về việc có chấp thuận đơn xin phép can thiệp hay không. Sau các phiên điều trần đó, ngày 23/10/2001, Tòa đã ra phán quyết bác bỏ đơn xin phép can thiệp của Philippines.<sup>19</sup> Trong vụ *Phân định*

14 Điều 81(3), Bộ Quy tắc của Tòa án Công lý quốc tế năm 1978.

15 Matina Papadaki, *ibid.*, tr. 8.

16 Land, Island and Maritime Frontier Dispute (*El Salvador v. Honduras*), [1990] ICJ Rep 92.

17 Land and Maritime Boundary between Cameroon and Nigeria (*Cameroon v. Nigeria*), [1999] ICJ Rep 1029.

18 Jurisdictional Immunities of the State (*Germany v. Italy: Greece intervening*), [2011] ICJ Rep 99.

19 Sovereignty over Pulau Ligitan and Pulau Sipadan (*Indonesia v. Malaysia*), [2001] ICJ Rep 575.

*thềm lục địa* Tunisia và Libya, Malta bị từ chối do Tunisia phản đối vì cho rằng lợi ích Malta không đủ cụ thể, có thể làm phức tạp thêm vụ kiện.<sup>20</sup> Trong vụ *Kiểm tra hạt nhân* giữa Australia và Pháp, Fiji bị từ chối vì lợi ích được nêu mang tính chính trị hơn là pháp lý.

Thực tiễn cho thấy ICJ áp dụng tiêu chí nghiêm ngặt, yêu cầu quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba chứng minh lợi ích pháp lý cụ thể, dựa trên luật quốc tế và không làm phức tạp vụ việc. Dựa trên việc phân tích phản hồi của Tòa về yêu cầu bên thứ ba tham gia tranh chấp, có thể đưa ra một số yếu tố để xác định tính cụ thể, phù hợp của lợi ích pháp lý do bên thứ ba đưa ra đó là:

*Một là*, lợi ích pháp lý được nêu ra phải có sự liên quan đến tranh chấp. Trong đơn yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba, quốc gia thứ ba phải chứng minh lợi ích pháp lý bị ảnh hưởng có gắn liền với vụ kiện. Trong vụ tranh chấp giữa El Salvador và Honduras (1990), Nicaragua đã chứng minh được quyền lợi tại vịnh Fonseca bị ảnh hưởng trực tiếp bởi phán quyết.

*Hai là*, lợi ích pháp lý mà bên yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba đưa ra phải dựa trên quy phạm pháp luật quốc tế. Điều này có nghĩa là bên thứ ba yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba phải đưa được các căn cứ pháp lý phù hợp để chứng minh rằng đây là một lợi ích bị ảnh hưởng bởi phán quyết của Tòa thực sự là một vấn đề pháp lý.

*Ba là*, ICJ loại trừ các lợi ích mang tính chính trị, kinh tế, xã hội. Đây là lý do vì sao yêu cầu của Fiji trong vụ *Kiểm tra hạt nhân* giữa Australia và Pháp năm 1974 bị từ chối bởi những lợi ích môi trường mang tính chính trị.

*Bốn là*, khả năng bị ảnh hưởng bởi phán quyết. Thứ tư, phán quyết của Tòa án phải có tác động trực tiếp đến quyền lợi pháp lý của bên can thiệp. Minh chứng điển hình là yêu cầu tham dự của Hy Lạp trong vụ kiện *Các quyền miễn trừ tài phán của quốc gia* giữa Đức và Ý năm 2011. Trong vụ việc này, việc Tòa xác định phạm vi quyền miễn trừ tài phán của Đức có ảnh hưởng quyết định đến khả năng thực thi các bản án của tòa án Hy Lạp ngay trên lãnh thổ Ý.

Tuy nhiên, Điều 62 có những hạn chế. Đáng chú ý, khái niệm “lợi ích mang tính pháp lý” vẫn chưa được định nghĩa cụ thể trong các văn bản quy phạm, dẫn đến những cách giải thích thiếu thống nhất trong thực tiễn. Điển hình là trường hợp của Malta trong vụ *Thềm lục địa* giữa Tunisia và Libya năm 1981. Trong vụ việc này, yêu cầu tham dự của Malta đã bị Tòa án bác bỏ với lý do những lợi ích mà quốc gia này đưa ra đối với khu vực thềm lục địa liên quan chưa được xác định một cách cụ thể và trực tiếp. Bên cạnh đó, sự phụ thuộc vào ý chí các bên tranh chấp khiến yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba dễ bị từ chối nếu có phản đối. Điển hình là trường hợp của Ý trong vụ *Thềm lục địa giữa Libya và Malta* năm 1984, Tòa án đã từ chối đơn xin can thiệp của Ý sau khi xem xét những phản đối từ phía hai bên tranh chấp ban đầu về phạm vi quyền lợi mà Ý viện dẫn. Mặt khác thời hạn nộp đơn trước khi kết thúc thủ tục tố tụng viết đòi hỏi quốc gia phải hành động nhanh chóng. Những hạn chế này yêu cầu quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba phải chủ động chuẩn bị hồ sơ pháp lý chặt chẽ, đàm phán trước với các bên tranh chấp để tránh phản đối và nộp đơn xin tham dự với tư cách bên thứ ba sớm.

20 Continental Shelf (Tunisia v. Libya), [1981] ICJ Rep 12.

(iii) *Tham gia tố tụng*

Trong trường hợp Tòa chấp thuận yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba, quốc gia tham dự với tư cách bên thứ ba nhận tài liệu tố tụng, nộp bản tuyên bố bằng văn bản và tham gia tranh tụng bằng miệng.<sup>21</sup> Tuy nhiên, việc tham gia tranh tụng này không làm ảnh hưởng tới vụ việc. Ví dụ, trong vụ kiện giữa Cameroon và Nigeria, Guinea Xích đạo được tham gia bảo vệ quyền tự do hàng hải mà không ảnh hưởng đến việc giải quyết tranh chấp.

Quy trình tham dự với tư cách bên thứ ba tại ICJ với các bước nộp đơn, xem xét và tham gia tố tụng không chỉ đảm bảo tính minh bạch và công bằng mà còn phản ánh sự nghiêm ngặt trong việc bảo vệ lợi ích pháp lý của quốc gia thứ ba.

### 3. Một số kiến nghị dành cho Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp trên biển hiện nay

Tranh chấp biển Đông là một trong những tranh chấp phức tạp nhất hiện nay, bao gồm những tranh chấp liên quan đến chủ quyền lãnh thổ tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; tranh chấp liên quan đến vùng biển phía Nam giữa Việt Nam, Indonesia và Malaysia; tranh chấp trên vùng biển vịnh Thái Lan; tranh chấp trên vùng biển vịnh phía Bắc.<sup>22</sup> Các quốc gia như Malaysia và Philippines đã sử dụng cơ chế tài phán quốc tế, chẳng hạn vụ kiện *Trọng tài Biển Đông* giữa Philippines và Trung Quốc năm 2016.<sup>23</sup> Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi Tuyên bố về quan điểm của Việt Nam liên quan đến Vụ kiện *Trọng tài Biển Đông* giữa Philippines và Trung Quốc đến Tòa Trọng tài xét xử vụ kiện này. Tuyên bố này được in lại trong Phụ lục 468 của Tranh tụng bổ sung của Philippines (*The Philippines' Supplemental Written Submission – Volume VIII*).<sup>24</sup> Để bảo vệ lợi ích pháp lý trong các vụ tranh chấp tương lai, đặc biệt tại Tòa án Công lý quốc tế, Việt Nam cần tận dụng hiệu quả cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba theo Điều 62 Quy chế ICJ. Dựa trên phân tích về cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba và thực tiễn áp dụng tại ICJ, dưới đây là bốn định hướng chi tiết để Việt Nam áp dụng nhằm bảo vệ lợi ích pháp lý trong tranh chấp biển Đông.

#### 3.1. Theo dõi sát sao diễn biến tranh chấp trên biển Đông

Việt Nam cần thiết lập một cơ chế giám sát liên tục và chuyên sâu để theo dõi các diễn biến tranh chấp tại biển Đông, đặc biệt là các vụ kiện tiềm năng tại ICJ hoặc Tòa Trọng tài thường trực (*Permanent Court of Arbitration, PCA*). Điều này bao gồm việc phân tích các vụ kiện liên quan đến phân định chủ quyền lãnh thổ hoặc ranh giới hàng hải, như một vụ kiện tiềm năng giữa Malaysia và Indonesia, vốn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam hoặc quyền chủ quyền tại các khu vực tranh chấp ở quần đảo Trường Sa. Việc theo dõi sát sao giúp Việt Nam nhận diện kịp thời các vụ kiện có khả năng tác động đến lợi ích pháp lý của mình, từ đó chuẩn bị chiến lược tham dự với tư cách bên thứ ba phù hợp.

21 Điều 85–86, Bộ Quy tắc của Tòa án Công lý quốc tế năm 1978.

22 Trần Văn Đấu, “Tình hình tranh chấp ở Biển Đông - Thực trạng và giải pháp”, *Biển toàn cảnh*, 2023, <https://bientoancanh.org/2023/06/18/tinh-hinh-tranh-chap-o-bien-dong-thuc-trang-va-giai-phap/>, truy cập ngày 05/07/2025.

23 *South China Sea Arbitration (Philippines v. China)*, PCA Case No. 2013–19, Award of 12 July 2016.

24 Trần Hữu Duy Minh, “Bốn nội dung chính trong Tuyên bố ngày 07/12/2014 của Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi đến Tòa trọng tài trong Vụ kiện Biển Đông”, *Luật pháp quốc tế iuscogen*, 2018, <https://iuscogens-vie.org/2018/06/10/82/>, truy cập ngày 05/07/2025.

Trong vụ *Ranh giới đất liền và trên biển* giữa Cameroon và Nigeria năm 1999, Guinea Xích đạo đã thành công trong việc tham dự với tư cách bên thứ ba do đã sớm nhận diện lợi ích pháp lý liên quan đến quyền tự do hàng hải trong khu vực tranh chấp. Việt Nam có thể học hỏi từ trường hợp này bằng cách thiết lập một nhóm chuyên trách, bao gồm các chuyên gia luật quốc tế và luật biển để phân tích các phán quyết quốc tế, đánh giá tác động tiềm tàng đối với quyền lợi của Việt Nam và đề xuất thời điểm nộp đơn tham dự với tư cách bên thứ ba. Việc giám sát cần được thực hiện thông qua các nguồn thông tin pháp lý quốc tế, báo cáo từ các tổ chức như Liên hợp quốc và các diễn đàn khu vực như Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Việc này để đảm bảo không bỏ lỡ cơ hội tham dự với tư cách bên thứ ba trước khi kết thúc giai đoạn tố tụng viết, như quy định tại Điều 81 Bộ Quy tắc tố tụng ICJ.

### **3.2. Thỏa thuận với các bên tranh chấp để đạt được sự đồng thuận**

Như đã phân tích ở trên, sự đồng ý hoặc ít nhất là sự trung lập của các bên tranh chấp là yếu tố then chốt quyết định thành công của yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba. Chẳng hạn, trong vụ *Ranh giới đất liền và trên biển* giữa Cameroon và Nigeria, yêu cầu của Guinea Xích đạo được chấp thuận do không vấp phải sự phản đối từ các bên tranh chấp. Ngược lại, trong vụ *Phán định thềm lục địa* giữa Libya và Malta năm 1984, Italia bị từ chối tham dự với tư cách bên thứ ba do cả hai bên phản đối, cho rằng sự tham gia của Italia có thể làm phức tạp vụ kiện. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đạt được sự đồng thuận hoặc giảm thiểu phản đối từ các bên tranh chấp.

Việt Nam cần đẩy mạnh các nỗ lực ngoại giao song phương và đa phương, đặc biệt với các quốc gia là các bên tranh chấp ở khu vực ASEAN như Philippines, Malaysia và Indonesia để xây dựng sự đồng ý hoặc ít nhất là sự trung lập trước khi nộp đơn tham dự với tư cách bên thứ ba. Các cuộc đàm phán song phương có thể tập trung vào việc khẳng định rằng sự tham dự với tư cách bên thứ ba của Việt Nam nhằm bảo vệ lợi ích pháp lý cụ thể, chẳng hạn quyền chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, mà không làm phức tạp vụ kiện. Trong bối cảnh ASEAN, Việt Nam có thể sử dụng các diễn đàn như Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN hoặc Diễn đàn Khu vực ASEAN để thảo luận về các vấn đề pháp lý liên quan đến biển Đông, từ đó tạo sự đồng thuận khu vực. Ngoài ra, việc xây dựng các thỏa thuận trước với các bên tranh chấp về phạm vi tham dự với tư cách bên thứ ba (ví dụ, với tư cách bên không tranh chấp để tránh ràng buộc pháp lý) sẽ giúp tăng khả năng chấp thuận đơn yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba.

### **3.3. Chuẩn bị nội dung pháp lý kỹ lưỡng cho đơn yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba**

Đơn yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba là tài liệu cốt lõi để thuyết phục ICJ chấp thuận sự tham gia của các bên. Theo khoản 2 Điều 81 Bộ Quy tắc tố tụng ICJ, đơn yêu cầu phải nêu rõ lợi ích pháp lý bị ảnh hưởng, mục tiêu tham dự với tư cách bên thứ ba, và các căn cứ pháp lý liên kết với vụ việc. Dựa trên thực tiễn ICJ, một đơn yêu cầu hiệu quả cần đáp ứng các tiêu chí nghiêm ngặt về lợi ích pháp lý và không làm phức tạp vụ kiện. Việt Nam cần chuẩn bị đơn yêu cầu với các nội dung cụ thể như sau:

(i) Tuyên bố sơ bộ về lý do và mục đích tham dự với tư cách bên thứ ba: Đơn cần nêu rõ lý do Việt Nam yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba, nhấn mạnh tầm quan trọng của lợi ích pháp lý, chẳng hạn quyền chủ quyền tại quần đảo Hoàng

Sa và Trường Sa hoặc quyền tài phán trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý theo UNCLOS. Ví dụ, trong vụ *Tranh chấp biên giới đất liền, đảo và trên biển* giữa El Salvador và Honduras năm 1990, Nicaragua đã thành công trong việc chứng minh lợi ích pháp lý liên quan đến vịnh Fonseca, dẫn đến việc ICJ chấp thuận tham dự với tư cách bên thứ ba.

(ii) Phân tích lợi ích pháp lý bị ảnh hưởng: Trong Tuyên bố ngày 07/12/2014 về quan điểm của Việt Nam liên quan đến Vụ kiện biển Đông, Việt Nam đã nêu ra 05 quyền và lợi ích pháp lý có thể bị ảnh hưởng bao gồm: các quyền của Việt Nam trong quan hệ với các thực thể địa lý ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; quyền và lợi ích của Việt Nam trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; quyền và lợi ích của Việt Nam liên quan đến quy chế pháp lý và quyền trên biển mà các thực thể địa lý trên biển Đông tạo ra, nằm bên trong “đường chín đoạn.”; quyền và lợi ích của Việt Nam trong vùng biển chung bên trong “đường chín đoạn”.<sup>25</sup> Như vậy, đơn cần trình bày chi tiết các phán quyết của Tòa có thể ảnh hưởng đến một hoặc một số lợi ích pháp lý của Việt Nam được nêu ra trong bản Tuyên bố. Chẳng hạn việc phân định ranh giới hàng hải có thể tác động đến quyền khai thác tài nguyên trong vùng đặc quyền kinh tế hoặc quyền tự do hàng hải. Lợi ích pháp lý phải được chứng minh dựa trên các quy phạm pháp luật quốc tế, như Điều 55 và Điều 57 UNCLOS về vùng đặc quyền kinh tế.

(iii) Căn cứ pháp lý, lập luận và chứng cứ: Đơn cần viện dẫn các điều khoản cụ thể của Điều 62 Quy chế ICJ và các điều ước quốc tế liên quan, như UNCLOS, để làm rõ cơ sở pháp lý của yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba. Việt Nam có thể tham khảo cách Guinea Xích đạo trình bày quyền tự do hàng hải trong vụ *Ranh giới đất liền và trên biển* giữa Cameroon và năm 1999 để xây dựng lập luận chặt chẽ. Hệ thống chứng cứ để hỗ trợ cho những lập luận của Việt Nam có thể bao gồm bản đồ hàng hải, tài liệu lịch sử về chủ quyền, hoặc các tuyên bố chính thức của Việt Nam về quyền lợi tại biển Đông. Việc xác định những chứng cứ nào cần được đưa ra trong quá trình tranh tụng là một hoạt động tư duy mang tính chiến thuật nhằm phục vụ một cách có hiệu quả các luận cứ, lập trường của mình.<sup>26</sup>

(iv) Mục tiêu tham dự với tư cách bên thứ ba không làm phức tạp vụ việc: Đơn cần khẳng định rằng sự tham dự với tư cách bên thứ ba của Việt Nam nhằm bảo vệ lợi ích pháp lý mà không làm phức tạp tranh chấp chính. Điều này giúp giảm thiểu phản đối từ các bên tranh chấp.

(v) Kết luận và chữ ký ủy quyền: Đơn cần tóm tắt các lập luận chính, nhấn mạnh sự cần thiết của tham dự với tư cách bên thứ ba, và được ký bởi đại diện được ủy quyền, như Bộ trưởng Ngoại giao hoặc Đại sứ Việt Nam tại Hà Lan, để đáp ứng yêu cầu hình thức của ICJ. Đơn phải được nộp sớm, trước khi kết thúc giai đoạn tố tụng viết, để đảm bảo tuân thủ thời hạn quy định tại Điều 81.

### **3.4. Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia pháp lý quốc tế**

Việc chuẩn bị hồ sơ pháp lý cần được thực hiện bởi một đội ngũ chuyên gia pháp lý quốc tế có kinh nghiệm về tố tụng ICJ, đồng thời tham khảo các đơn yêu

25 Trần Hữu Duy Minh, *ltd*, tr. 3.

26 Trần Thăng Long, “Một số vấn đề về chứng cứ trong thủ tục giải quyết tranh chấp tại các cơ quan tài phán quốc tế - Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tap chí Khoa học pháp lý*, số 2, 2016, tr. 1.

cầu tham dự với tư cách bên thứ ba thành công, như của Nicaragua trong vụ *Tranh chấp biên giới đất liền, đảo và trên biển* giữa El Salvador và Honduras năm 1990 và tránh những sai lầm của các yêu cầu bị từ chối, như của Philippines trong vụ *Tranh chấp chủ quyền đảo Pulau Ligitan và Pulau Sipadan* giữa Malaysia và Indonesia năm 2001, khi lợi ích pháp lý không được chứng minh đủ cụ thể. Để tận dụng hiệu quả cơ chế tham dự với tư cách bên thứ ba, Việt Nam cần phát triển năng lực pháp lý thông qua đào tạo chuyên gia về luật quốc tế, đặc biệt là luật biển và tố tụng ICJ tại các trường đại học và viện nghiên cứu. Điều này có nghĩa Việt Nam cần tuyển dụng hoặc đào tạo chuyên gia quen thuộc với thủ tục tại ICJ để có thể thực hiện các trình tự như lập đơn yêu cầu tham dự với tư cách bên thứ ba, chuẩn bị chứng cứ phù hợp. Việc học hỏi kinh nghiệm từ sự thành công hoặc thất bại của các quốc gia khác sẽ giúp Việt Nam có thể vận dụng kinh nghiệm để can thiệp tương tự hoặc tránh vấp phải các sai lầm như thiếu bằng chứng hay chứng minh lợi ích cụ thể dẫn đến nguy cơ bị từ chối.

Hợp tác với các nước ASEAN như Philippines, Malaysia, Indonesia, Singapore sẽ giúp xây dựng liên minh khu vực để có thể hỗ trợ lẫn nhau trong tố tụng, tăng tính thuyết phục trước Tòa. Bồi lẽ, những quốc gia này đã có kinh nghiệm trong việc giải quyết tranh chấp trước ICJ. Ngoài ra, xây dựng cơ sở dữ liệu pháp lý về quyền lợi của Việt Nam tại biển Đông, dựa trên Công ước về Luật biển năm 1982 và các tiền lệ quốc tế cũng là bước đi cần thiết. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu pháp lý có ý nghĩa tạo nền tảng dữ liệu để hỗ trợ lập luận pháp lý, giúp Việt Nam dễ dàng chứng minh lợi ích tại Tòa. ●

### Tài liệu tham khảo

- [6] *South China Sea Arbitration (Philippines v. China)*, PCA Case No. 2013-19, Award of 12 July 2016
- [13] Christine Annacker, “The legal regime of erga omnes obligations in international law”, *Austrian Journal of Public and International Law*, Vol. 46, 1994
- [10] Sean Aughey & Amy Sander, “Intervention before the ICJ: A practical guide”, *Essex court chamber*, 2022
- [5] George Barrie, “Third-party state intervention in disputes before the International Court of Justice: A reassessment of Articles 62 and 63 of the ICJ Statute”, *Comparative and International Law Journal of Southern Africa*, Vol. 53(1), 2020
- [15] Trần Thăng Long, “Một số vấn đề về chứng cứ trong thủ tục giải quyết tranh chấp tại các cơ quan tài phán quốc tế - Những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, số 2, 2016 [trans: Tran Thang Long, “Some Issues on Evidence in the Dispute Settlement Procedures at International Judicial Bodies – Lessons Learned for Vietnam,” *Journal of Legal Science*, No. 2, 2016]
- [7] Trần Hữu Duy Minh, “Bốn nội dung chính trong Tuyên bố ngày 07.12.2014 của Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi đến Tòa trọng tài trong Vụ kiện Biển Đông”, *Luật pháp quốc tế iuscogen* 2018, [trans: Tran Huu Duy Minh, “Four Main Points in the 07 December 2014 Statement of the Ministry of Foreign Affairs of Vietnam Submitted to the Arbitral Tribunal in the South China Sea Case,” *International Law iuscogen*, 2018]
- [4] Andreas Zimmermann (ed.), Christian J Tams (ed.), Karin Oellers-Frahm (ed.), Christian Tomuschat (ed.), *The Statute of the International Court of Justice: A Commentary (3rd Edition)*, Oxford University Press 2019
- [12] Prosper Weil, “Towards relative normativity in international law?”, *The American Journal of International Law*, Vol. 77(3), 1983
- [11] Karl Zemanek, “New trends in the enforcement of erga omnes obligations”, *Max Planck Yearbook of United Nations Law*, Vol. 4, 2000